

BÁO CÁO

Thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2017-2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Công văn số 64/ĐĐBQH-VP ngày 01 tháng 6 năm 2023, Công văn số 101/ĐĐBQH-VP ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện đầu tư công lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, cụ thể như sau:

Trà Vinh là tỉnh duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long, dân số 1.019.258 người (*Niên giám thống kê năm 2022*), gồm 03 dân tộc chính: Kinh (*chiếm 67,78%*), Khmer (*chiếm 31,51%*), Hoa (*chiếm 0,66%*) và dân tộc khác (*chiếm 0,05%*) cùng sinh sống và có văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, tạo nên bản sắc văn hóa phong phú, đa dạng.

Về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, toàn tỉnh hiện có 09 Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao cấp huyện, với chức năng nhiệm vụ là đơn vị sự nghiệp, là cơ quan tuyên truyền của Đảng, chính quyền cấp huyện, tổ chức và phục vụ hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho nhân dân trong huyện. Tập thể viên chức các đơn vị luôn đoàn kết, trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác và đã phát huy hiệu quả nhiều lĩnh vực. Thường xuyên củng cố, đẩy mạnh phát triển phong trào văn nghệ, thể dục thể thao trong Nhân dân, tổ chức nhiều hoạt động phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe cho người dân ở địa phương.

Về thiết chế văn hóa - thể thao cấp huyện có 07 nhà thi đấu, 07 sân vận động, 03 hồ bơi. Các công trình thường xuyên nâng cấp, sửa chữa và đầu tư xây dựng như: Sân Vận động các huyện, Nhà thi đấu Thể dục - Thể thao, Quảng trường, Hội trường Trung tâm Văn hóa; gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới các điểm sinh hoạt vui chơi, giải trí, văn nghệ, thể dục thể thao được hình thành. Đến nay thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện cơ bản được hoàn thiện, hoạt động đi vào nề nếp và nâng cao về chất lượng.

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh

- Vai trò và tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong xây dựng là rất lớn, trong những năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo ngành văn hóa, thể thao và du lịch triển khai và phổ biến

10

10

10

đến các chủ đầu tư các quy định của pháp luật trong thi công xây dựng công trình đặc biệt khi triển khai các công trình di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh và cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về hoạt động xây dựng để kịp thời áp dụng trong thực tế.

- Thời gian qua, công tác tuyên truyền pháp luật về đầu tư công nói chung và đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được các cấp, các ngành phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; Hội đồng tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật thị xã phối hợp tổ chức tuyên truyền tại các xã, phường; trang thông tin điện tử thị xã đăng tải nhiều nội dung về đầu tư công; các trạm truyền thanh phát sóng tuyên truyền để nhân dân thông hiểu.

- Nhằm phổ biến rộng rãi tới các đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân; đồng thời, phân công cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, kết quả có nhiều lượt công chức, viên chức tham dự.

2. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh

Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư công được quan tâm và chuyển biến tích cực, việc vận hành đảm bảo chặt chẽ từ các khâu, từ đó phát huy tính hiệu quả của từng dự án đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

(Đính kèm Phụ lục I)

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

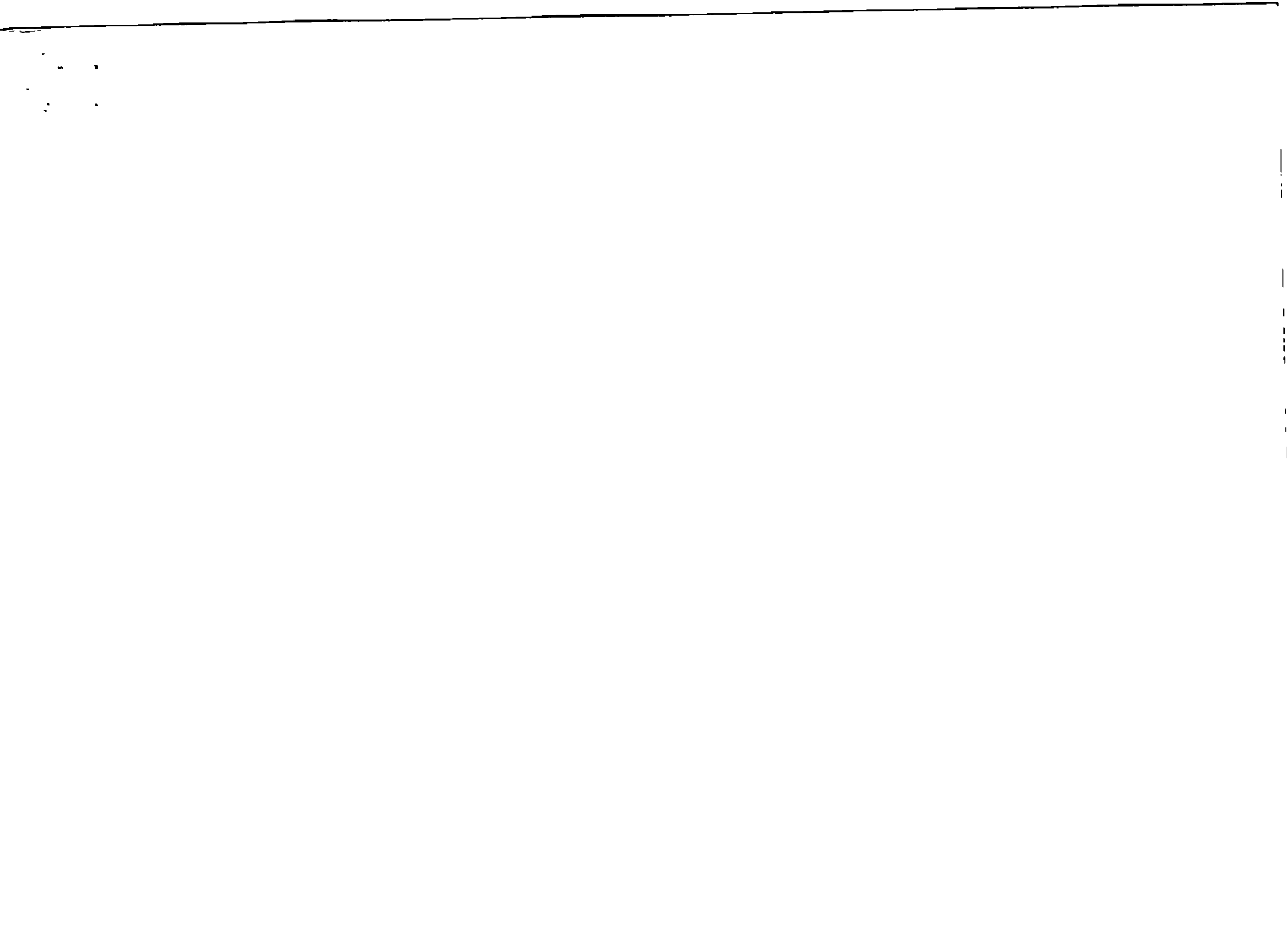
1. Công tác triển khai, thực hiện chương trình, dự án

1.1. Tổng số các công trình, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được thực hiện tại địa phương

- Trong giai đoạn 2017-2022, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư 09 dự án: (1) Sân vận động (mới) tỉnh Trà Vinh; (2) Trung tâm Văn hóa tỉnh Trà Vinh; (3) Khu di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ; (4) Khu di tích lịch sử nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Trà Vinh; (5) Cải tạo Đoàn nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh; (6) Khu tập luyện thể dục, thể thao tỉnh Trà Vinh; (7) Khu tưởng niệm nữ anh hùng Nguyễn Thị Út (Út Tịch), hạng mục Điều khắc biểu tượng “Người mẹ cầm súng”; (8) Hạ tầng Làng Văn hóa Du lịch Khmer tỉnh Trà Vinh; (9) Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Bodhisālarāja (Kom Pong), phường 1, thành phố Trà Vinh.

(Đính kèm Phụ lục II)

- Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện 204 công trình/dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch *(trong đó: thị xã Duyên Hải 11 dự án; huyện Tiểu Cần 17 dự án; huyện Càng Long 10 dự án; huyện Cầu Kè 55 dự án; huyện Châu Thành 07 dự án; huyện Cầu Ngang 10*



dự án; huyện Trà Cú 54 dự án; huyện Duyên Hải 23 dự án; thành phố Trà Vinh 17 dự án).

(Đính kèm Phụ lục III)

1.2. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các công trình, dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật

Về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các công trình, dự án đầu tư công (vốn tỉnh, vốn phân cấp huyện) đều được chủ đầu tư thực hiện đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

1.3. Việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo từng nguồn vốn so với kế hoạch được duyệt

Việc phân bổ các nguồn vốn, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn cho các dự án phù hợp với kế hoạch phân bổ vốn hằng năm và đảm bảo không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao cho từng dự án.

1.4. Số lượng dự án, chương trình điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh chương trình, dự án

Không có.

1.5. Số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu; tổng mức đầu tư trước khi điều chỉnh; tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh

- Số dự án được điều chỉnh cơ cấu trong tổng mức đầu tư là 03 dự án: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch¹, các dự án được điều chỉnh tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh đều phù hợp và không vượt tổng mức đầu tư ban đầu được duyệt, các dự án điều chỉnh đều đúng mục tiêu và đảm bảo quy mô đầu tư.

- Số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu là 03 dự án thị xã Duyên Hải 02 dự án², huyện Cầu Ngang 01 dự án³,

1.6. Số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt

Không có dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư đã được phê duyệt; hằng năm các dự án đầu tư đều được giao kế hoạch vốn đảm bảo theo quy định và đáp ứng khả năng thực hiện của chủ đầu tư.

2. Tình hình giải ngân vốn

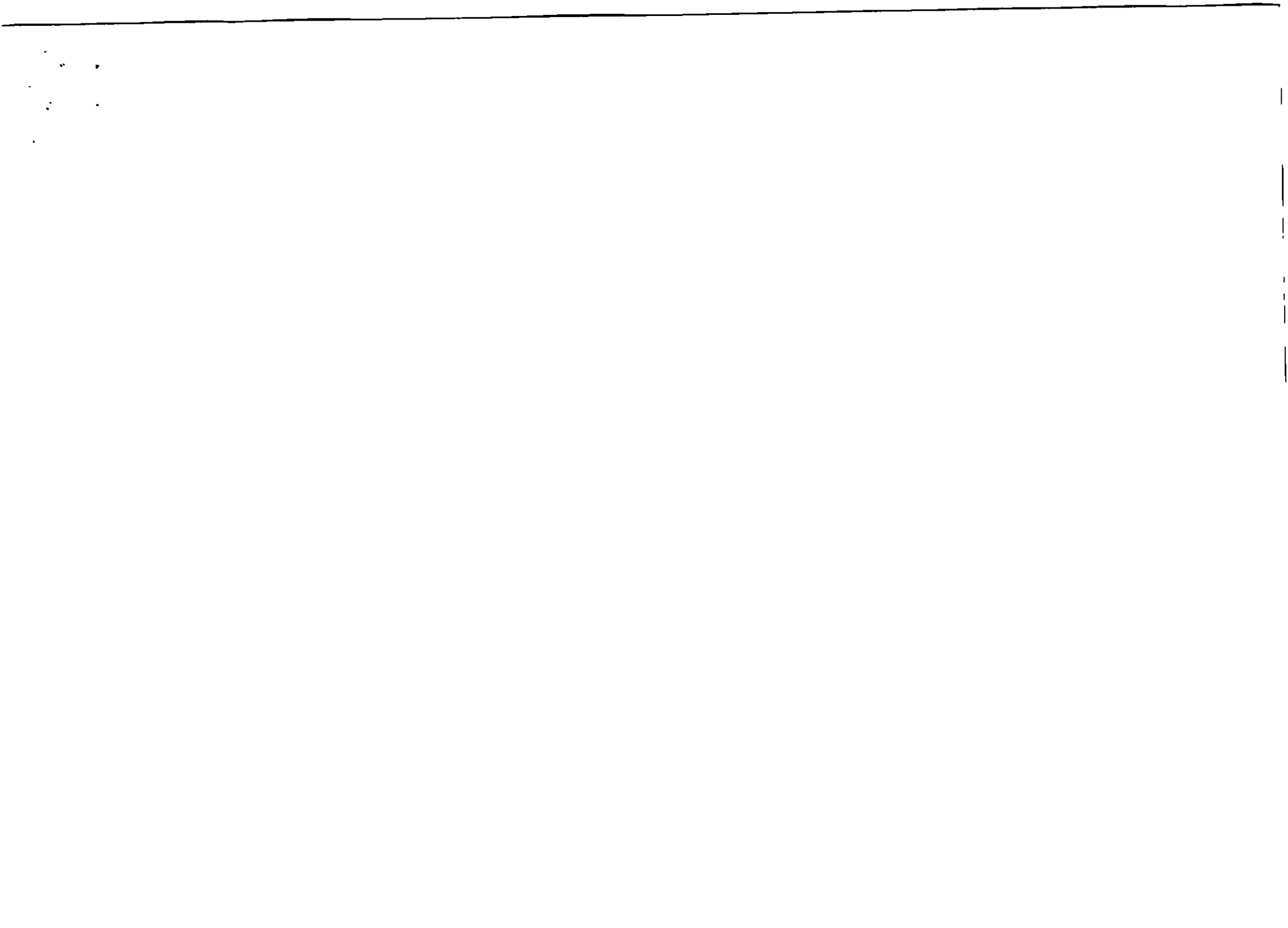
2.1. Kết quả giải ngân các công trình, dự án

- Trong giai đoạn 2017-2022, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư 09 công trình, kế hoạch vốn được phân bổ là

¹ (1) Sân vận động (mới) tỉnh Trà Vinh, (2) Khu di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ, (3) Hạ tầng Làng Văn hóa Du lịch Khmer tỉnh Trà Vinh.

² (1) Xây dựng Công viên xã Trường Long Hòa, (2) Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Động.

³ Xây dựng Quảng trường huyện Cầu Ngang.



109.996 triệu đồng; giá trị giải ngân là 109.797 triệu đồng; tỷ lệ giải ngân đạt 99,82%.

- Đối với 204 công trình thuộc cấp huyện quản lý, kế hoạch vốn được phân bổ 571.670 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 529.919 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 92,7% (trong đó: thị xã Duyên Hải, vốn phân bổ 191.387 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 191.328 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 99,97%; huyện Tiểu Cần, vốn phân bổ 37.983 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 37.621 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 99,05%; huyện Càng Long, vốn phân bổ 40.930 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 38.730 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 94,63%; huyện Cầu Kè, vốn phân bổ 59.809 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 58.990 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 98,63%; huyện Châu Thành, vốn phân bổ 68.066 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 67.435 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 99,07%; huyện Cầu Ngang, vốn phân bổ 49.966 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 49.966 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 100%; huyện Trà Cú, vốn phân bổ 56.426 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 44.012 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 78,00%; huyện Duyên Hải, vốn phân bổ 59.932 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 35.218 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 58,76%; thành phố Trà Vinh, vốn phân bổ 7.170 triệu đồng, lũy kế vốn giải ngân 6.617 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 92,29%).

2.2. Số dự án có nợ đọng xây dựng cơ bản đã bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2017-2022

Trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2017-2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí đủ kế hoạch vốn đầu tư công đảm bảo để các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện, nên không có dự án nợ đọng xây dựng cơ bản.

2.3. Số vốn ứng trước đã bố trí thu hồi trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2017-2022

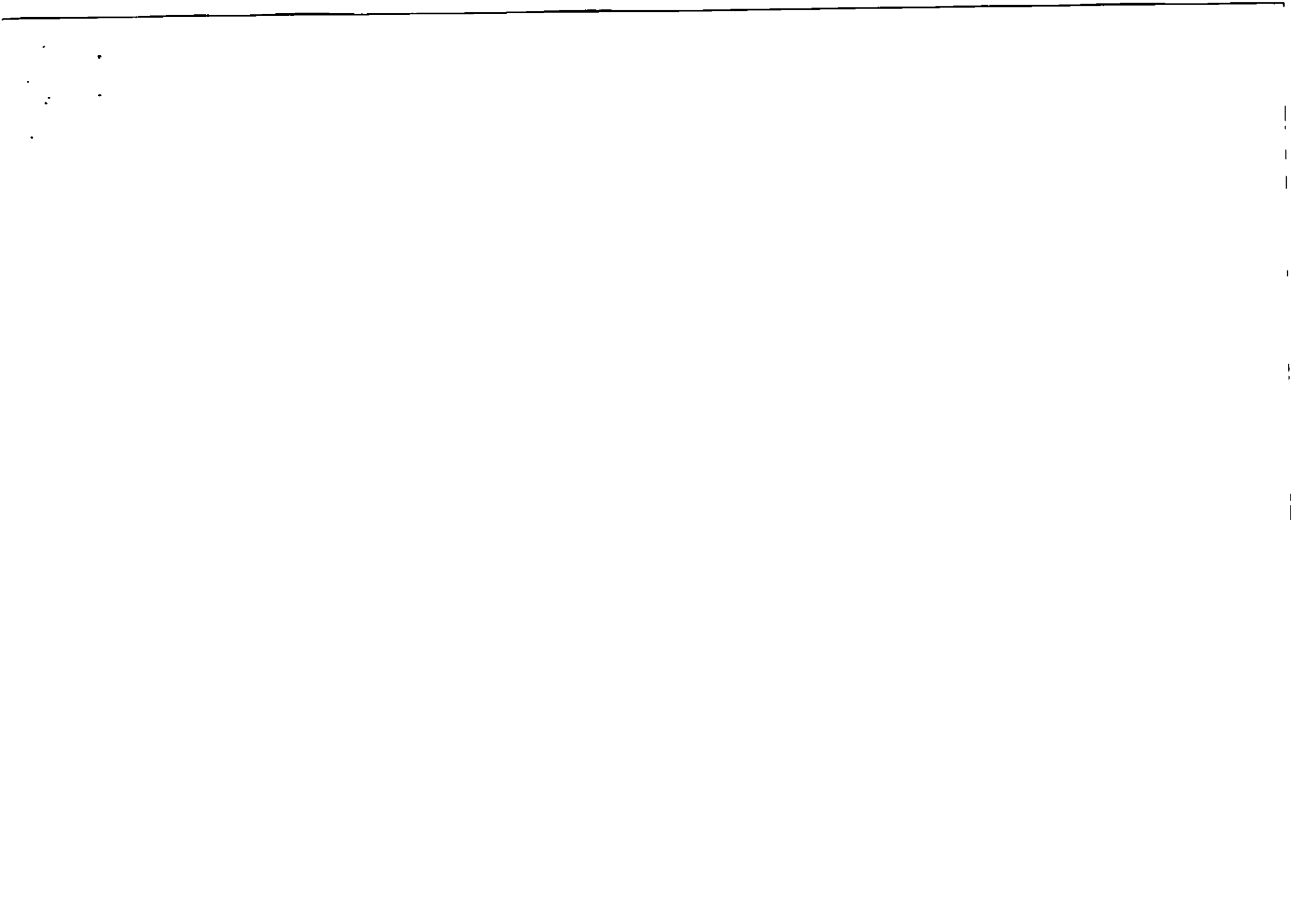
Không có.

2.4. Số vốn ứng trước đến hết kế hoạch năm 2016 đã tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2022 nhưng chưa bố trí đủ nguồn kế hoạch hằng năm để thu hồi và số vốn ứng trước phát sinh đến nay chưa được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

Không có số vốn ứng trước, hầu hết các công trình, dự án điều chuyển, bị cắt vốn,... đã được bố trí lại đủ kế hoạch vốn đầu tư công đảm bảo thanh toán, quyết toán hết vốn.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2017-2022

- Chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước của pháp luật hiện hành; chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ tài chính đầu tư; thực hiện đúng quy định của pháp luật về chế độ chi đầu tư xây dựng cơ bản,...



- Chỉ đạo chủ đầu tư thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thành đúng theo hợp đồng ký kết, hạn chế thấp nhất việc gia hạn thời gian thi công.

4. Việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2017-2022 đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng

- Chủ đầu tư tổ chức thực hiện việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng như: các công việc xây dựng đã được thi công đầy đủ theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt; xem xét kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, lắp đặt, vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng; tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Các dự án đầu tư khi đủ điều kiện được chấp thuận nghiệm thu, chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị quản lý và đưa vào khai thác, vận hành; đồng thời, khẩn trương lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định.

- Các dự án đầu tư giai đoạn 2017-2022 đã hoàn thành được bàn giao cho địa phương trực tiếp quản lý sử dụng. Nhìn chung, các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đều mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phục vụ tốt về văn hóa, thể thao cho người dân tại địa phương và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch trên địa bàn.

5. Kết quả đạt được và những tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

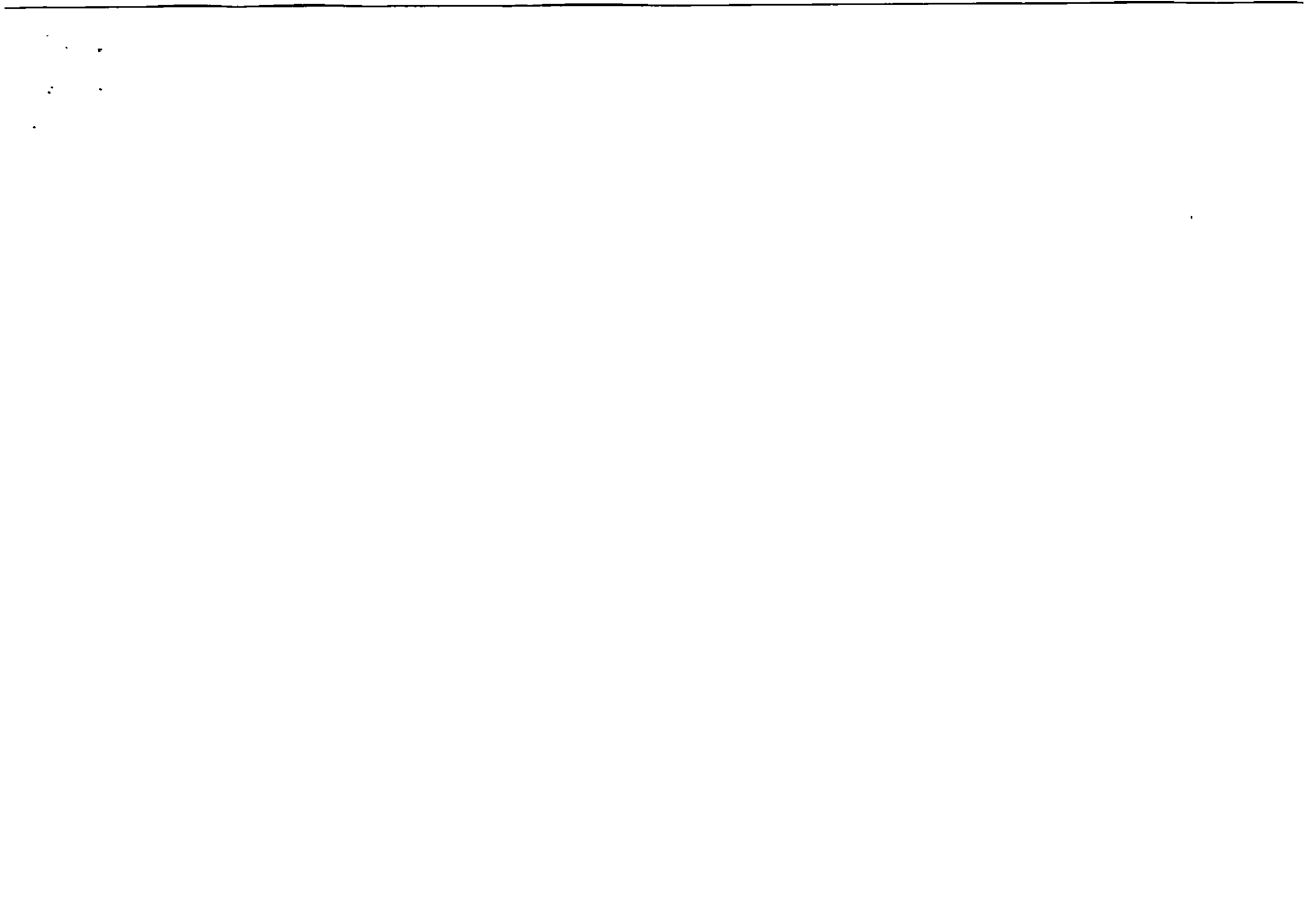
- Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc các dự án đầu tư xây dựng lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch ngày một hoàn thiện và hiệu quả. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đã từng bước hoàn thiện về cơ sở vật chất, một số công trình quy mô lớn, kiến trúc đẹp được xây dựng trong thời gian gần đây nhất là các dự án di tích đã góp phần cho việc phát triển du lịch của địa phương;

- Bên cạnh việc đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và du lịch đã góp phần đáp ứng đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Mặc dù chưa được đầu tư đồng bộ và hoàn chỉnh, nhưng phần nào đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và người dân ngày càng có điều kiện tham gia vào các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

- Việc thực hiện đầu tư các công trình thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đã mang lại kết quả thiết thực, qua đó đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tiềm năng phát triển các lợi thế về du lịch được phát huy, đời sống tinh thần của người dân được nâng lên đáng kể.

6. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư; thanh tra, kiểm tra; kiểm toán

- Công tác giám sát, đánh giá đầu tư; thanh tra kiểm tra; kiểm toán được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm và chỉ đạo kịp thời các chủ đầu tư phối hợp với các



cơ quan có liên quan báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời đảm bảo theo quy định khi có yêu cầu.

- Các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, đánh giá đầu tư, đúng quy định của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

- Đối với chủ đầu tư là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được Kiểm toán nhà nước khu vực IX kiểm toán 02 dự án; Thanh tra tỉnh thanh tra 03 dự án; 01 dự án đang triển khai thi công xây dựng công trình dự kiến nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 11 tháng 2023; 03 dự án còn lại đã thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định.

- Đối với chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được Kiểm toán nhà nước khu vực IX, Thanh tra tỉnh, Sở Xây dựng,... kiểm toán, thanh tra chuyên ngành và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định.

III. HẠN CHẾ, BẤT CẬP

1. Trong công tác triển khai, thực hiện chương trình, dự án

- Trong giai đoạn này, chủ yếu đầu tư các công trình, dự án mang tính cấp bách, chưa đầu tư nhiều các công trình, dự án thiết chế văn hóa - thể thao cấp huyện và cấp xã. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện ở nhiều địa phương được đầu tư xây dựng từ giai đoạn trước đã xuống cấp, trang thiết bị không đồng bộ hoặc hư hỏng;

- Kinh phí đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia nên chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế; việc huy động các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng các công trình chưa nhiều;

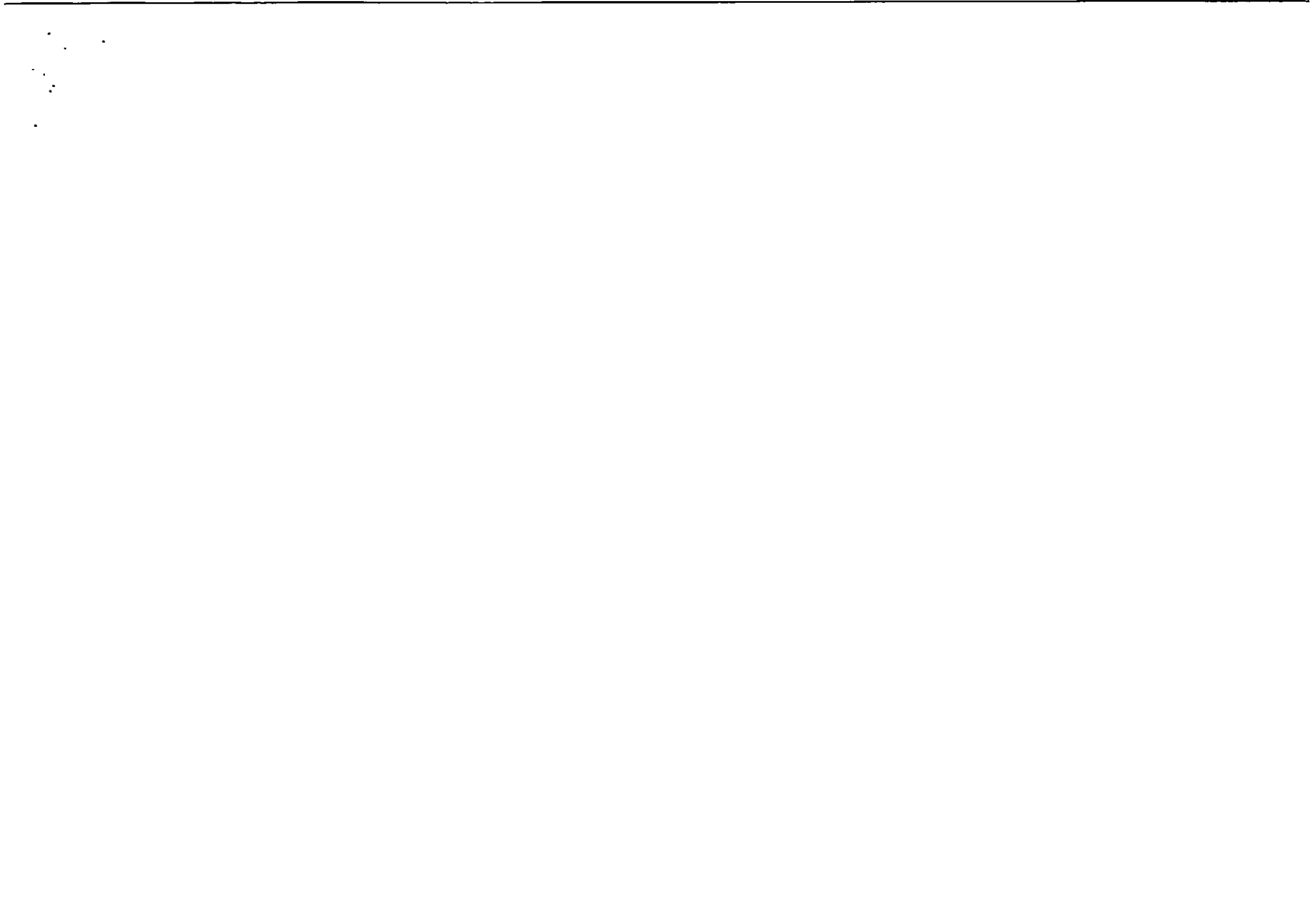
- Đối với Nhà văn hóa - Khu thể thao áp hiện có chưa phát huy hết công năng, còn lãng phí thời gian hoạt động; cơ sở vật chất, diện tích sân bãi thể thao còn thiếu, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tập luyện thể thao của người dân;

- Các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em rất cần thiết, để trẻ em có cơ hội tiếp cận các hoạt động vui chơi giải trí. Tuy nhiên, hệ thống điểm vui chơi và các hoạt động thể dục thể thao dành cho trẻ em còn thiếu hoặc bị xuống cấp, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Trong công tác giải ngân vốn

- Về cơ chế chính sách: Việc lập dự toán xây dựng dự án phải thực hiện theo nhiều văn bản hướng dẫn, làm kéo dài thời gian triển khai thực hiện, ảnh hưởng tiến độ khởi công và giải ngân kế hoạch vốn đã được giao;

- Theo các quy định sửa đổi, bổ sung thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế điều chỉnh và một số thủ tục khác đã thay đổi, làm ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt hồ sơ, tiến độ thi công và tiến độ giải ngân của các dự án.



3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

3.1. Nguyên nhân khách quan

Kinh phí ngân sách nhà nước còn khó khăn, chưa đảm bảo phân bổ cho các dự án đầu tư phục vụ hoàn chỉnh hệ thống cơ sở vật chất hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Quy trình, thủ tục đầu tư triển khai dự án phải phối hợp nhiều cơ quan, đơn vị, phải qua nhiều khâu, nhiều bước lấy ý kiến, từ đó dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành thủ tục đầu tư như: phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, lựa chọn nhà thầu,...

- Các công trình khi triển khai thi công thực tế, chủ đầu tư không lường hết các vấn đề phát sinh, nên phải điều chỉnh, bổ sung dự án cho phù hợp với thực tế nên kéo dài thời gian để hoàn thành dự án.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

- Tập trung đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch;

- Thực hiện các công trình, dự án tu bổ, tôn tạo di tích bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng các Nhà văn hóa - Khu thể thao nhằm phục vụ các hoạt động cho người dân đến tham quan, học tập, vui chơi, giải trí góp phần giao lưu văn hóa gắn với phát triển du lịch giữa các địa phương.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

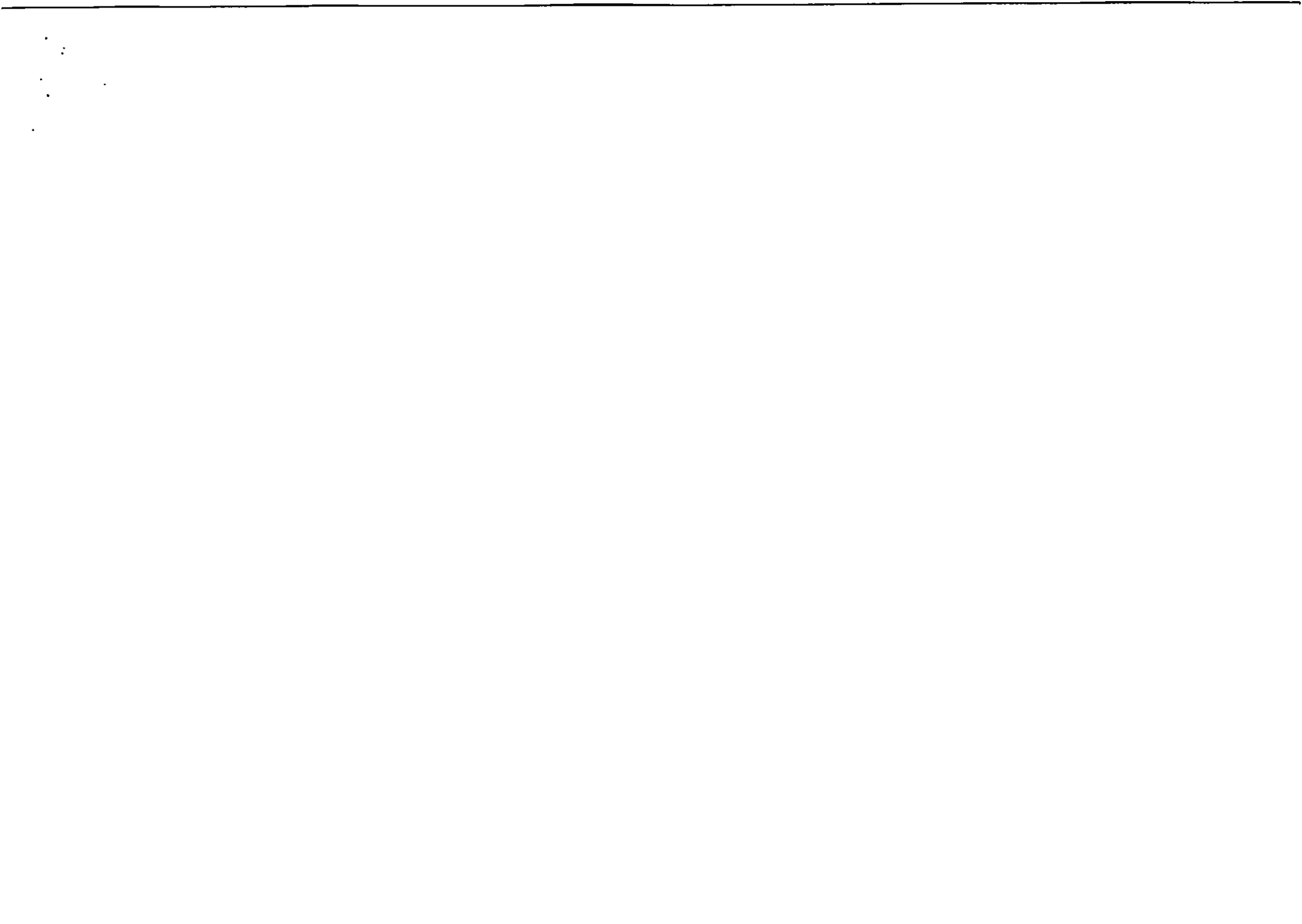
- Hỗ trợ kinh phí xây nhà văn hoá cho các ấp, xóm chưa có nhà văn hoá và tu bổ, tôn tạo di tích; quy hoạch, lập hồ sơ xếp hạng di tích.

- Ban hành cơ chế chính sách để kêu gọi đầu tư phát triển du lịch gắn với việc khai thác được các tiềm năng, thế mạnh, góp phần tạo ra những sản phẩm du lịch đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời góp phần giới thiệu, quảng bá về văn hóa, con người Trà Vinh đến với đông đảo du khách trong nước và quốc tế,...

- Quan tâm và có định hướng đầu tư cơ sở vật chất văn hóa, thể thao, du lịch cho các địa phương còn khó khăn; tăng cường phân bổ nguồn lực để các địa phương phát triển hệ thống cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của người dân.

- Có các chính sách ưu đãi phù hợp, thực tế đối với nhu cầu tại địa phương để kêu gọi, thu hút đầu tư doanh nghiệp, cá nhân vào các công trình văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh và cơ sở.

- Bố trí đất để xây dựng cơ sở vật chất, công trình văn hóa, thể thao, du lịch phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, xây dựng nhà ở và các công trình khác nhằm tạo ra môi trường thân thiện, thuận lợi phục vụ nhân dân khai thác và sử dụng hiệu quả; tăng cường đầu tư và quản lý cơ sở vật chất, công trình văn hóa, thể thao, du lịch nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu tổ chức



các hoạt động thu hút đông đảo người dân tham gia sinh hoạt. Từ đó, đảm bảo các cơ sở vật chất phát huy công năng sử dụng, phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trên đây là báo cáo thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2017-2022 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 234/BC-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)./.

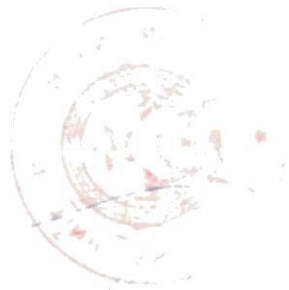
Nơi nhận:


- Như trên;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở VH, TT&DL;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các Phòng: KGVX, KT, TH-NV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. *o2*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** *tranh*



Nguyễn Trung Hoàng




Phụ lục I
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT,
VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT
VỀ ĐẦU TƯ CÔNG TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Báo cáo số: 290/BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
1.1	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh	
1.2	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh	
1.3	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh	
1.4	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 nguồn ngân sách tỉnh;	
1.5	Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh	
1.6	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;	
1.7	Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;	
1.8	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025;	
1.9	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 (đợt 2);	
2	Thị xã Duyên Hải	
	Trên cơ sở nhu cầu đầu tư các dự án trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, Ủy ban nhân dân thị xã đã đề xuất danh mục và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân thị xã phê duyệt tại các nghị quyết.	
	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.	

STT	Nội dung	Ghi chú
	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.	
3	Huyện Tiểu Cần	
	<p>Trong quá trình triển khai thực hiện, huyện Tiểu Cần căn cứ vào các quy định về chính sách, pháp luật do cơ quan Nhà nước ở Trung ương ban hành để triển khai, thực hiện:</p> <p>Không ban hành Văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn huyện.</p>	
4	Huyện Càng Long	
4.1	Nghị quyết 124/NQ-HĐND ngày 1/4/2016 của HĐND huyện Càng Long về việc phê duyệt danh mục KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020	
4.2	Nghị quyết 60/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Càng Long về việc phê chuẩn, bổ sung danh mục KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020	
4.3	Nghị quyết 69/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND huyện Càng Long về việc phê chuẩn, bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020	
4.4	Nghị quyết 112/NQ-HĐND ngày 04/11/2019 của HĐND huyện Càng Long về việc phê chuẩn, bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020	
4.5	Nghị quyết 119/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND huyện Càng Long về việc phê chuẩn, bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020	
4.6	Nghị quyết 138/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện Càng Long về việc phê chuẩn, bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020	
4.7	Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 02/11/2021 của HĐND huyện Càng Long về việc thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
4.8	Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND huyện Càng Long về việc điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2021-2025	
4.9	Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND huyện Càng Long về việc điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2021-2025	
4.10	Nghị quyết 59/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của HĐND huyện Càng Long về việc bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2021-2025	
4.11	Nghị quyết 70/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Càng Long về việc điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2021-2025	
4.12	Nghị quyết 79/NQ-HĐND ngày 22/5/2023 của HĐND huyện Càng Long về việc bổ sung KH đầu tư công giai đoạn 2021-2025	

STT	Nội dung	Ghi chú
5	Huyện Cầu Kè	
	<p>Trên cơ sở nhu cầu đầu tư các dự án trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, Ủy ban nhân dân thị xã đã đề xuất danh mục và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh. Hội đồng nhân dân thị xã phê duyệt tại các nghị quyết:</p> <p>Nghị quyết số 30/NQ - HĐND ngày 13/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;</p> <p>Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Cầu Kè về việc thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.</p>	
6	Huyện Châu Thành	
	<p>Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt kế hoạch đầu tư công, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, đúng quy định của pháp luật về đầu tư công</p> <p>Quyết định số 1174/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Công viên - Quảng trường huyện Châu Thành;</p> <p>Quyết định số 1175/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Sân bóng đá huyện Châu Thành;</p> <p>Quyết định số 1176/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành;</p> <p>Quyết định số 1177/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành (gồm Nhà làm việc và Hồ bơi).</p>	
7	Huyện Cầu Ngang	
	<p>Trên cơ sở nhu cầu đầu tư các dự án trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; UBND huyện đã kịp thời tham mưu xây dựng, ban hành nhiều đề án, quyết định, kế hoạch liên quan đến công tác quy hoạch phát triển ngành văn hóa, thể thao trên địa bàn huyện.</p>	
8	Huyện Trà Cú	
	<p>Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phê duyệt kế hoạch đầu tư công, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	
9	Huyện Duyên Hải	
	<p>Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phê duyệt kế hoạch đầu tư công, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	
10	Thành phố Trà Vinh	

STT	Nội dung	Ghi chú
	<p>Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND thành phố Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển du lịch năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn thành phố Trà Vinh.</p> <p>Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND thành phố về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển du lịch thành phố Trà Vinh</p> <p>Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt “Đề án phát triển du lịch thành phố Trà Vinh từ năm 2021 đến năm 2025, tầm nhìn 2030”.</p>	

Phụ lục II

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2017-2022

(Kèm theo Báo cáo số 290 /BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	3	4	5	6	7	8	9
1			2						
	TỔNG SỐ	9	142.913	109.996	109.996	109.996	109.797	99,82	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	142.913	109.996	109.996	109.996	109.797	99,82	
1	Vốn Xổ số kiến thiết	5	97.981	88.776	88.776	88.255			
1	Sân vận động (mới) tỉnh Trà Vinh	37.333	2019-2020	32.082	32.296			Điều chỉnh cơ cấu trong tổng mức đầu tư	
2	Trung tâm Văn hóa tỉnh Trà Vinh	29.490	2020-2021	27.411	27.409				
3	Khu di tích lịch sử Đền thờ Bắc Hồ	26.804	2020-2021	25.421	24.687			Điều chỉnh cơ cấu trong tổng mức đầu tư	
4	Khu di tích lịch sử nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Trà Vinh	2.367	2018	2.014	2.014				
5	Cải tạo Đoàn nghệ thuật Khmer Anh Bình Minh	1.987	2018	1.848	1.849				
II	Ngân sách địa phương	4	44.932	21.220	21.542	21.542	0,00		
1	Khu tưởng niệm nữ anh hùng Nguyễn Thị Út (Út Tịch); hàng mục Diêu khắc biểu tượng "Người mẹ cầm súng"	6.500	2021-2022	5.500	6.212				

STT	Tên dự án						1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú								
2		8.877	2021-2022	7.000	6.610		Điều chỉnh cơ cấu trong tổng mức đầu tư								
3		26.555	2022-2023	6.000	6.000										
4		3.000	2017	2.720	2.720										

2
Hàng Làng Văn hóa Du lịch Khmer tỉnh Trà Vinh
3
Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Bodhisattva (Kom Pong)
4
Khu tập luyện thể dục, thể thao tỉnh Trà Vinh

CỘNG TRINH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2017-2022

Phụ lục III

(Kèm theo Báo cáo số 290/BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lấy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	204	930.460		571.670	529.919	92,70	
I	Thị xã Duyên Hải	11	284.166		191.387	191.328	99,97	
1	Trụ sở ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa	500	2017-2019	464	457			
2	Hà tầng du lịch biển Ba Đông, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	90.000	2016-2019	81.109	81.109			
3	Công viên văn hóa thị xã Duyên Hải	13.115	2018-2020	11.940	11.890			
4	Công viên văn hóa xã Dân Thành	14.210	2019-2021	13.011	13.011			
5	Quảng trường thị xã Duyên Hải	14.900	2021-2023	13.241	13.241			
6	Xây dựng Công viên xã Trường Long Hòa	14.900	2021-2023	6.759	6.759			Điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu
7	Xây dựng Trụ sở Ban nhân dân ấp Lăng Chảo, xã Dân Thành	1.450	2021-2023	1.200	1.200			
8	Xây dựng Trụ sở Ban nhân dân xóm 4, phường 1	940	2022-2024	850	850			
9	Sân vận động xã Long Hân	3.300	2022-2024	2.350	2.350			
10	Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Đông	130.000	2021-2024	59.662	59.662			Điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu
11	Xây dựng Trụ sở Ban nhân dân xóm 1, phường 1	850	2021-2023	801	799			
II	Huyện Tiểu Cần	17	41.223		37.983	37.621	99,05	
1	Nhà văn hóa Ấp Định Phú B	1.000	2020-2021	800	772			
2	Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Chợ	1.000	2019-2020	800	751			

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
III	Huyện Càng Long							
17	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Tiều Cần. Hàng mục: Nhà thi đấu đa năng		10.300	2017-2019	9.445	9.445		
16	Quảng trường thị trấn Tiều Cần		14.900	2019-2020	14.171	14.171		
15	Xây dựng và cải tạo Nhà văn hóa các ấp của xã Tập Ngãi		1.150	2019-2020	1.026	1.020		
14	Hưng Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa Chánh Hội A xã Ngãi		1.070	2019-2020	1.000	1.000		
13	02 nhà văn hóa ấp: Ấp Kinh và ấp Hòa Trinh San lấp mặt bằng khu thể thao, nâng cấp mở rộng		1.100	2020-2021	1.000	996		
12	Hàng mục: san lấp mặt bằng, xây mới nhà văn hóa, hệ thống thoát nước, sân đường, di dời trụ điện		3.000	2022-2023	2.675	2.675		
11	Trụ sở nhà văn hóa xóm 6, thị trấn Tiều Cần. trên địa bàn huyện Tiều Cần		600	2022-2022	485	485		
10	Cải tạo, xây dựng mới công viên hòa xã Khu thể thao xã Tân Hòa, huyện Tiều Cần		1.000	2016-2017	980	942		
9	Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Cây Gòn		1.170	2020-2021	1.091	997		
8	ấp Trém, ấp Sóc Trám, xã Tân Hòa, huyện Tiều Cần Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Cao Một,		733	2016-2017	700	691		
7	Nhà văn hóa xã Tân Hòa, huyện Tiều Cần		800	2016-2017	780	766		
6	Xây dựng 10 công chèo ấp văn hóa NTM xã Tân Hòa		700	2017-2018	680	658		
5	Khu thể thao xã Ngãi Hưng		1.000	2016-2017	850	800		
4	Nhà văn hóa ấp Nhứt xã Tân Hưng		1.000	2020-2021	1.000	977		
3	Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Trà Mềm		700	2020-2021	500	475		

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lấy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Sửa chữa nhà văn hoá các xóm trên địa bàn thị trấn Càng Long		3.200	2022	2.974	2.899		
2	Sửa chữa nhà văn hoá thị trấn Càng Long		200	2022	192	191		
3	Nâng cấp Sân bóng đá xã Tân Bình: San lấp mặt bằng, hàng rào, hệ thống thoát nước		436	2020	436	426		
4	Nâng cấp và sửa chữa 10 trụ sở nhà văn hóa và các thiết chế văn hóa ấp, xã Tân Bình		1.000	2020	1.000	964		
5	Sân bóng đá xã (hạn mục san lấp, hàng rào, khung thành) và Nhà văn hóa ấp Đức Mỹ A, Xã Đức Mỹ		800	2018	800	797		
6	Nâng cấp mở rộng nhà Văn hóa xã Đức Mỹ và các phòng chức năng		950	2018	915	915		
7	Nâng cấp mở rộng nhà văn hóa 5 ấp (Đức Mỹ, Mỹ Hiệp, Đại Đức, Thành Hiệp, Long Sơn)		1.643	2021	1.643	1.643		
8	Quảng trường Khóm 4, thị trấn Càng Long		14.990	2016-2019	14.990	14.305		
9	Sân vận động huyện Càng Long		17.630	2017-2021	17.630	16.240		
10	Đề án phát triển du lịch huyện Càng Long từ năm 2022 đến năm 2025, tầm nhìn 2030		350	2022	350	350		
IV	Huyện Cầu Kè	55	65.195		59.809	58.990	98,63	
1	Xây dựng mới khu thể thao xã Thành Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		766	2016-2017	750	677		
2	Nhà sinh hoạt công đồng ấp Giồng Dầu		218	2016-2017	200	197		
3	Nhà Văn hóa xã Thông Hòa		3.148	2017-2019	2.790	2.669		
4	Trang trí và lát gạch vỉa hè sân đường nội bộ Nhà Văn Hóa xã Thông Hòa		210	2017-2018	210	209		
5	Xây dựng nhà văn hóa (nhà sinh hoạt công đồng) ấp IV, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		441	2017-2018	400	373		

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lấy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Xây dựng nhà văn hóa liên ấp Trà Mết - Rạch Nghé - Ô Chích	730	2017-2018	730	692			
7	Nâng cấp khu thể thao đa năng	251	2017-2018	251	236			
8	Nhà Văn hóa ấp Ngãi Nhất, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè,	480	2017-2018	430	410			
9	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Tam Ngãi	1.100	2017-2018	1.000	982			
10	Xây dựng công chầu huyện Cầu Kè	1.161	2017-2018	1.072	1.000			
11	Sân đường - HTTN Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Cầu Kè	1.528	2018-2019	1.507	1.507			
12	Sân thể thao xã và khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	979	2018-2019	930	915			
13	Nhà văn hóa ấp Kinh Xăng, xã Phong Phú, huyện cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	300	2018-2019	300	280			
14	Nhà văn hóa ấp 1, xã Phong Phú, huyện cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	300	2018-2019	300	285			
15	Nhà văn hóa ấp Đông Khocen, xã Phong Phú, huyện cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	300	2018-2019	300	287			
16	Cải tạo, sửa chữa mở rộng hội trường nhà văn hóa xã Hòa Tân	867	2018-2019	828	786			
17	Xây mới 02 phòng chức năng nhà văn hóa xã Hòa Tân	599	2018-2019	572	560			
18	Xây dựng khu vui chơi giải trí cho người già và trẻ em	336	2018-2019	323	326			
19	Nhà văn hóa ấp Chông nô 2, ấp Chông nô 3, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè	600	2018-2019	600	589			
20	Xây dựng 02 phòng chức năng, Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã Phong Thành	735	2018-2019	703	678			

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
21	Nâng cấp hội trường làm Nhà văn hóa xã Phong Thành		1.365	2018-2019	1.096	1.096		
22	Trung tâm Văn Hóa - Thông tin - Thể thao huyện Cầu Kè		8.553	2019-2020	8.110	8.034		
23	Xây dựng quảng trường huyện Cầu Kè		14.990	2019-2020	14.407	14.407		
24	Cải tạo hội trường làm nhà văn hóa và 02 phòng chức năng xã Hòa An		1.311	2018-2019	1.106	992		
25	Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã Hòa An		1.050	2018-2019	983	978		
26	Nhà văn hóa liên ấp Thông Tháo - Giồng Dâu		420	2018-2019	410	402		
27	Nhà văn hóa liên ấp Bà My - Sóc Kha		420	2018-2019	408	408		
28	Ban ghế Nhà văn hóa xã Thông Hòa, xã Tam Ngãi, xã Hòa An, xã Hòa Tân, xã Phong Thành, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		1.235	2019	1.171	1.156		
29	Xây dựng nhà văn hóa các ấp I, ấp III, ấp Cả Chương, xã Phong Thành		840	2018-2019	816	816		
30	Khu tương niệm nữ Anh hùng Nguyễn Thị Út (Út Tịch) Hàng mục: Nhà tương niệm, Nhà trưng bày		5.366	2019-2020	3.609	3.609		
31	Ban ghế Nhà văn hóa ấp, khóm trên địa bàn huyện Cầu Kè		1.539	2020	1.432	1.432		
32	Di dời đường điện Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện Cầu Kè		104	2020	92	92		
33	Xây dựng quảng trường huyện Cầu Kè (giai đoạn 2)		500	2020-2021	467	467		
34	Nhà văn hóa các ấp Bung Lớn A, Bung Lớn B, Ngãi Nhi xã Tam Ngãi		845	2021	805	805		
35	Cải tạo nhà văn hóa ấp Giồng Nổi, xã Tam Ngãi		262	2021	250	250		

STT	1	2	3	4	5	6	7	8	9
		Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lấy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Chi chú
36		Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa ấp Trà Diêu, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		365	2021	362	357		
37		Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa ấp Xẻo Cạn, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		250	2021	250	237		
38		Xây mới nhà văn hóa ấp Mỹ Văn, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		410	2021	409	406		
39		Xây dựng mới nhà văn hóa ấp Rạch Đui, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		500	2021	498	493		
40		Hàng rào sinh thái sản vận động và xây dựng mới công trường xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		255	2021	250	236		
41		Xây dựng nhà văn hóa ấp 2, ấp 4: Cải tạo nhà văn hóa ấp 3		1.250	2021	1.084	1.084		
42		Công trường xã Thành Phú, huyện Cầu Kè		213	2021	200	198		
43		Nâng cấp hàng rào sân bóng đá xã Thành Phú		116	2021	116	114		
44		Công trường xã An Phú Tân		213	2021	200	198		
45		Nhà Văn hóa ấp An Trà, An Hòa xã An Phú Tân		1.000	2021	919	919		
46		Cải tạo nhà văn hóa ấp Tân qui I, Tân qui II xã An Phú Tân		553	2021	530	519		
47		Nhà văn hóa ấp Hòa An, xã An Phú Tân		522	2021	522	516		
48		Xây dựng khuôn viên Ao sen phục vụ sinh hoạt cộng đồng vùng đồng bào dân tộc Khmer, xã Phong Phú		1.100	2022	1.028	1.028		
49		Xây dựng nhà văn hóa ấp Trà Bôn xã Châu Điện		756	2022	720	720		
50		Xây dựng công trường xã Châu Điện		304	2022	290	290		
51		Khu vui chơi cho người già và trẻ em xã Châu Điện		1.263	2022	1.134	1.134		
52		Sửa chữa nhà văn hóa ấp Ô Tung A, xã Châu Điện		640	2022	576	576		

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
53	Sửa chữa nhà văn hóa ấp Rùm Sóc, xã Châu Điện		294	2022	280	280		
54	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Chông Nô 1, xã Hòa Tân		843	2022	674	674		
55	Xây dựng mới công chầu xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		500	2022-2023	410	410		
V	Huyện Châu Thành	7	80.300		68.066	67.435	99,07	
1	Cải tạo, mở rộng nhà làm việc phòng văn hóa và thể thao - Đại tuyến thành huyện		1.350	2018	1.200	960		
2	Khu vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em xã Hòa Thuận		4.000	2019	2.476	2.476		
3	Đường vào sân bóng đá Thanh Mỹ		850	2020	800	499		
4	Nhà thi đấu Đa Năng huyện Châu Thành		32.000	2021	29.000	29.244		
5	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành (Nhà làm việc + Hồ bơi)		32.000	2021	25.000	25.000		
6	Sân bóng đá huyện Châu Thành		7.600	2021	7.290	6.961		
7	Công viên - Quảng trường huyện Châu Thành		2.500	2021	2.300	2.295		
VI	Huyện Cầu Ngang	10	220.703		49.966	49.966	100,00	
1	Nhà Văn hóa thị trấn Mỹ Long		3.995	2017	3.715	3.715		
2	Hoa viên thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang		3.000	2019-2020	3.338	3.338		
3	Công viên xã Mỹ Long Nam		530	2020	513	513		
4	Đường dẫn ra biển thị trấn Mỹ Long		14.000	2020	11.371	11.371		
5	Hoa viên thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang (Giai đoạn 2)		2.500	2020	2.371	2.371		
6	Hà tàng phát triển du lịch cụm xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang		150.000	2021-2023	2.345	2.345		

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	4	5	6	7	8	9
		Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Cầu Ngang (Hàng mục: Thiết bị Hội trường và Trám biển áp 01 pha 50KVA	1.200	2022	540	540			
7	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Cầu Ngang	14.600	2022	11.033	11.033			
8	Xây dựng Quảng trường huyện Cầu Ngang	15.978	2022	8.980	8.980		Điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu	
9	Xây dựng khu sinh hoạt văn hóa thể thao huyện Cầu Ngang	14.900	2022	5.760	5.760			
VII	Huyện Trà Cú	54	103.408	56.426	44.012	78,00		
1	Nhà văn hóa ấp Giồng Tranh, xã Ngải Xuyên, huyện Trà Cú	331	2017	315	298			
2	Nhà Văn hóa ấp Sóc Chà A, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú	392	2017	380	317			
3	Nhà Văn hóa ấp Chơ, xã Tập Sơn	412	2017	400	361			
4	Nhà Văn hóa ấp Đông Sơn, Ba Tây C, xã Tập Sơn	1.102	2017	1.050	929			
5	Nhà Văn hóa Khóm 2, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú	573	2017	550	491			
6	Nhà Văn hóa Khóm 2, thị trấn Định An, huyện Trà Cú	407	2017	400	334			
7	Nhà Văn hóa Khóm 1, Khóm 4, Khóm 7, thị trấn Định An	1.286	2018	1.250	1.093			
8	Nhà Văn hóa Khóm 5, Khóm 6, thị trấn Trà Cú	990	2018	950	811			
9	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Trà Cú, Hàng mục: Cải tạo nhà làm việc	406	2018	400	327			
10	Nhà Văn hóa Khóm 5, thị trấn Định An	490	2018	450	428			

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lấy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Nhà văn hóa ấp Trà Kha, Giồng Lớn A, xã Đại An	840	2018	800	727			
12	Nhà văn hóa ấp Bến Tranh, xã Định An	471	2018	430	399			
13	Nhà văn hóa ấp Kos La, xã Thanh Sơn	477	2018	436	388			
14	Nhà văn hóa ấp Dầu Đoi, ấp chọ, xã An Quảng Hữu	994	2018	907	832			
15	Nhà văn hóa ấp Nô Men, xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú	450	2018	450	418			
16	Phòng chức năng nhà Văn hóa xã Định An	285	2019	260	211			
17	Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, xã Đại An	200	2019	187	187			
18	Xây mới 03 Nhà Văn hóa ấp Thanh Xuyên, ấp Trà Cú B và ấp Báy Xảo Chól, xã Kim Sơn	1.315	2019	1.280	1.095			
19	Nhà văn hóa ấp Cà Tộc, ấp Nhuet Tư B, xã Hám Giang	583	2019	526	524			
20	Nhà Văn hóa ấp Cây Da, xã Tập Sơn	488	2019	445	430			
21	Nhà Văn hóa ấp Giồng Đình, xã Đại An	478	2019	435	416			
22	Nhà văn hóa ấp Chọ, ấp Chôm Chuối, xã Phước Hưng	979	2019	900	863			
23	Nhà văn hóa ấp Cầu Hanh, xã Ngải Xuyên	600	2020	458	458			
24	Nhà văn hóa ấp Xoài Xiêm, xã Ngải Xuyên	550	2020	419	419			
25	Xây mới phòng chức năng Nhà Văn hóa ấp Chọ, xã Lưu Nghiệp Anh	600	2020	514	514			
26	Mở rộng Nhà Văn hóa xã Thanh Sơn	310	2020	300	289			
27	Nhà Văn hóa xã An Quảng Hữu, Hàng mục: Cải tạo nhà làm việc	800	2020	800	723			
28	Nhà văn hóa xã Tân Hiệp (ấp Bến Nô)	483	2020	405	405			
29	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Con Lốp, xã Tân Hiệp	483	2020	450	410			

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lưu kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
30	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Ba Trách A, xã Tân Hiệp	483	483	2020	450	400		
31	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Ba Trách B, xã Tân Hiệp	483	483	2020	450	412		
32	Xây dựng Nhà văn hóa xã Tân Hiệp	2.162	2.162	2020	1.802	1.802		
33	Nhà văn hóa ấp Xả Lớn, xã Dài An	484	484	2021	416	416		
34	Nhà văn hóa ấp Cây Đa, xã Dài An	484	484	2021	425	425		
35	Nhà văn hóa ấp Cà Săng, xã Hām Tân	470	470	2021	450	409		
36	Nhà văn hóa ấp Vām Ray A, xã Hām Tân,	484	484	2021	450	420		
37	Mô-rông Nhà văn hóa xã An Quang Hữu	753	753	2021	720	642		
38	Nhà thi đấu đa năng	37.000	37.000	2022-2024	11.460	2.095		
39	Xây dựng Quảng trường	17.000	17.000	2022-2023	5.050	5.050		
40	Nhà Văn hóa xã Kim Sơn	2.122	2.122	2022-2024	1.670	1.662		
41	Nhà văn hóa các ấp thuộc xã Ngãi Xuyên (04 ấp)	900	900	2022-2024	800	800		
42	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hoá ấp Chơ, xã Long Hiệp	620	620	2022-2024	523	523		
43	Sân vận động xã Tập Sơn	1.800	1.800	2022-2024	600	600		
44	Xây dựng khu vui chơi cho trẻ em và người cao tuổi, xã Đĩnh An	1.000	1.000	2022	800	800		
45	Nhà văn hóa ấp Vām Bền Tranh, xã Đĩnh An	500	500	2022	480	451		
46	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa 04 ấp, xã Đĩnh An	500	500	2022	476	476		
47	Nhà văn hóa ấp xã Hām Giang (Nhà văn hóa ấp Trà Tro + Nhà văn hóa ấp Trà Tro C)	1.300	1.300	2022-2023	1.160	1.125		
48	Xây dựng 3 nhà văn hóa ấp, xã Kim Sơn	1.650	1.650	2022-2023	1.400	1.400		
49	Cải tạo Nhà văn hóa ấp Trà Cú A, Trà Cú C, Báy Xảo Giũa, xã Kim Sơn	588	588	2022-2023	537	537		

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
50	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp Chợ, Bùn Bã, Rạch Cỏ, xã Hầm Tân	650	2022-2023	594	594			
51	Nhà văn hóa ấp Ông Rùm, xã Tân Sơn	500	2022-2023	397	397			
52	Nhà văn hóa xã Tập Sơn	3.300	2022-2023	2.600	2.011			
53	Nhà sinh hoạt văn hóa đồng bào dân tộc Khmer xã Phước Hưng, Tân Sơn, Đại An	2.400	2022-2023	1.850	1.336			
54	Nâng cấp Sân vận động huyện	8.000	2022-2023	4.320	4.133			
VIII	Huyện Duyên Hải	23	87.096		59.932	35.218	58,76	
1	Nhà văn hoá ấp Tả Rom B, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải	543	2017	543	488			
2	Nhà văn hoá ấp Tân Thành, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải	650	2017	650	598			
3	Nhà văn hoá Xóm Tô, xã Đôn Xuân. huyện Duyên Hải	548	2017	548	494			
4	Xây dựng mới 01 nhà văn hóa ấp (ấp Đông Thành)	550	2017	520	529			
5	Xây dựng 4 phòng chức năng nhà văn hóa xã	680	2017	650	645			
6	Nhà văn hóa ấp Sa Vàng	500	2017	500	453			
7	Nhà văn hóa ấp Tả Rom A	500	2017	500	416			
8	Nhà văn hóa ấp Bà Nhi, xã Đôn Xuân	493	2017	493	415			
9	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa các ấp xã Long Vĩnh	1.100	2017	1.000	369			
10	Nhà văn hóa ấp Lộ Sỏi B, xã Đôn Xuân	500	2018	468	960			
11	Nhà văn hóa ấp La Bang Kinh, xã Đôn Châu	500	2018	450	454			
12	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa 06 ấp xã Đôn Châu	530	2018	482	434			
13	Xây dựng 02 phòng chức năng nhà văn hóa xã Long Khánh	409	2018	400	476			

STT	Tên dự án	Số dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	Khu vui chơi giải trí xã (Hàng mục: Khu vui chơi giải trí - cải tạo nhà văn hóa xã Long Vinh)	700	700	2018	700	454		
15	Nhà văn hóa ấp Quán Âm xã Dồn Xuân	600	600	2019	573	384		
16	Xây dựng, lắp đặt 04 biển hiệu đèn hoa Trung tâm xã Ngũ Lạc	1.200	1.200	2021	1.100	569		
17	Công đèn hoa Dồn Châu (02 công)	893	893	2021	815	542		
18	Sân lắp mặt bằng, xây dựng công viên văn hóa xã Đông Hải	2.000	2.000	2022	2.000	1.100		
19	Cải tạo công viên và mua sắm thiết bị phục vụ vui chơi trong khuôn viên công viên xã Dồn Xuân	1.000	1.000	2021	940	815		
20	Xây dựng trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Duyên Hải	40.000	40.000	2021-2023	24.000	1.555		
21	Quảng trường huyện Duyên Hải	17.000	17.000	2021-2022	11.100	940		
22	Sân vận động Đồn Châu	6.200	6.200	2022	4.500	14.129		
23	Sân vận động huyện Duyên Hải	10.000	10.000	2022-2023	7.000	7.999		
IX	Thành phố Trà Vinh	17	7.170		7.170	6.617	92,29	
1	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Phú Hòa	320	320	2022-2023	320	320		
2	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Huệ Sơn	420	420	2022-2023	420	410		
3	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hòa Hữu	410	410	2022-2023	410	400		
4	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Rạch Béo	350	350	2022-2023	350	330		
5	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Công Thiện Hưng	420	420	2022-2023	420	400		
6	Trụ sở BND Khóm 2, phường 3	420	420	2021-2022	420	410		
7	Trụ sở BND Khóm 1, phường 5	540	540	2021-2022	540	486		
8	Trụ sở BND Khóm 4, phường 5	350	350	2021-2022	350	315		
9	Trụ sở BND Khóm 8, phường 6	420	420	2019-2020	420	378		
10	Trụ sở BND Khóm 10, phường 6	346	346	2019-2020	346	311		

STT	Tên dự án		Số dự án, công trình	4	5	6	7	8	9
	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn phân bổ	Lũy kế giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú				
11	1	2019-2020	450	450	405				
12	3	2019-2020	700	700	630				
13	5	2021-2022	430	430	387				
14	5	2021-2022	364	364	328				
15	5	2021-2022	420	420	378				
16	9	2022-2023	350	350	315				
17	9	2022-2023	460	460	414				

